

## ĐÁM CƯỚI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI TÀY Ở HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

HOÀNG HỮU BÌNH - TRẦN THỊ HẠNH

Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, cách tỉnh lỵ 62 km theo đường tỉnh lộ 206; có diện tích tự nhiên: 469,15 km<sup>2</sup>; dân số năm 2002: 51.855 người, gồm 3 dân tộc: Tày (67%), Nùng (32%) và Kinh (1%).

Hiện nay, Trùng Khánh có 18 xã; có đường biên giới với Trung Quốc dài 62 km với 2 cửa khẩu: Pồ Peo (xã Ngọc Khê) và Đàm Thủy (xã Đàm Thủy) và nhiều lối mòn mà nhân dân 2 bên đường biên có thể qua lại dễ dàng. Nơi đây có thác Bản Giốc và động Ngườm Ngao đã được Bộ Văn hoá - Thông tin cấp bằng di tích lịch sử - văn hoá năm 1998. Trùng Khánh nổi tiếng về các làn điệu dân ca như: *lượn then, phongslư* (Tày), *hà lếu, sli giang, dá hai* (Nùng); các điệu dân vũ như *múa lục, múa slũng* (Tày), *múa lân* (Nùng)...

Một trong số các sinh hoạt văn hoá đặc sắc của người

Tày nơi đây là đám cưới. Đám cưới là một sự kiện quan trọng trong cuộc đời mỗi con người, vì thế, ở mỗi nơi, mỗi dân tộc đều

hình thành các tập tục mang sắc thái độc đáo, thể hiện sự thiêng liêng của hôn nhân, sự vui mừng, nồng ấm tình cảm gia đình và họ hàng, đồng thời cũng là ngày vui chung của cộng đồng.

Trong xã hội truyền thống, người Tày ở Trùng Khánh chủ yếu làm nông nghiệp, nên trong việc lựa chọn bạn đời người ta thường coi trọng tiêu chuẩn thể lực (*cảo na kha nằng* - bắp đùi dài to) vì mong có sức khoẻ cày cấy việc nhà cũng như trong lao động sản xuất. Người

Tày theo phụ hệ, nên nhà trai chủ động trong lễ cưới và lễ cưới thường diễn ra theo các bước với một số tập tục như sau:

### 1. Đính hôn

Nhà trai báo trước cho nhà gái, nếu nhà gái chấp thuận thì sẽ cùng nhau chọn ngày lành. Người ta tránh các ngày hung: mùa xuân - ngày thìn, mùa hạ - ngày mùi, mùa thu - ngày tuất, mùa đông - ngày sừ, vì theo theo tập tục truyền lại, đây là các ngày “tam tang” (nghĩa là có 3 mạng chết liền).

Đại diện nhà trai là một vị có tuổi, vợ chồng song toàn, dư bề con cái, nói năng lưu loát, lịch thiệp, là người có uy tín trong làng và không có đại tang, cùng với 2 cô gái thanh tân mang lễ sang nhà gái. Theo truyền thống, gánh lễ này

không có quy định cụ thể, mà tùy thuộc điều kiện kinh tế của nhà trai, có thể gồm: 2 gói đường phèn trắng, 2 gói chè ngon, 2 chai rượu trắng - tất cả được gói bằng giấy

màu đỏ. Việc gói lễ vật bằng giấy màu đỏ là một tập tục lâu đời của người Tày nơi đây.

Khi đoàn nhà trai đến, nhà gái ân cần nhận lễ vật đặt lên bàn thờ để báo cáo tổ tiên. Đại biểu nhà trai đứng bên cạnh cùng khấn xin tổ tiên nhà gái chấp nhận; nói lời cầu hôn, và xin bản lục mệnh (*lục mệnh*) của cô gái. Nhà gái cử một người trong họ tộc viết chữ nắn nót lên giấy hoặc



vải màu hồng, ghi họ tên, ngày, tháng, năm sinh của cô gái theo âm lịch. Việc trao tờ lục mệnh diễn ra rất thiêng liêng. Nhà trai nhận mang về phải dâng lên bàn thờ, báo cáo xin tổ tiên chấp nhận, tiến hành so số, sau đó cất giữ cẩn thận vào rương (hòm). Sự việc đến đây coi như đôi trai gái đã đính hôn; cả 2 bên gia đình đã coi họ như là vợ chồng; họ thường xuyên đến thăm nhà nhau và làm các công việc của cả đôi bên gia đình.

## 2. Lễ dạm hỏi

Nhà trai chủ động xem ngày lành, giờ tốt để tiến hành dạm hỏi. Theo tập tục, ngày dạm hỏi phải trước ngày cưới ít nhất 30 ngày, không được vội vàng.

Người đi dạm hỏi thường là mẹ, hoặc chú, bác có đủ uy tín, có thể giải quyết mọi vấn đề; tháp tùng thường là 1 chàng con rể, có trách nhiệm đỡ dẫn mẹ (bác, chú). Đây là một nghi lễ có tính “ngoại giao”, lịch thiệp, đúng mực, không nên có sai sót. Trong đoàn dạm thường có thêm 2 cô cháu gái nết na, tươi vui đi theo để gánh *tiểu lễ*. Thông thường, *tiểu lễ* gồm có: 2 gói chè ngon, 4 (hoặc 6, 8) chai rượu trắng ngon, 4 cân thịt lợn (có cả nạc cả mỡ), 20 cân xôi nấu bằng gạo nếp ngon. Đồ lễ được gói bằng giấy màu đỏ và luôn phải là số chẵn vì người Tày kiêng số lẻ; số người tham gia các đoàn đón, đưa dâu, đính hôn, dạm hỏi... cũng đều phải là số chẵn.

Khi đoàn dạm hỏi đến, nhà gái đón tiếp ân cần và đặt lễ vật lên bàn thờ để báo cáo với tổ tiên, sau đó chuẩn bị một bữa cơm thịnh soạn nghênh đón. Cô dâu tương lai mặc quần áo truyền thống chỉnh tề đến mâm cơm dâng rượu lên mẹ chồng (hoặc chú, bác đằng nhà chồng) cùng với đại biểu nhà trai.

Khi 2 gia đình người Tày có con gái, con trai gả cho nhau, thì trở thành thông gia. Khi thông gia với nhau, 2 bên xưng hô với nhau thật thân mật: bố mẹ cô gái gọi bố mẹ chàng trai là *ông pu, bà già*; được gọi nhau như vậy là họ cảm thấy hạnh phúc lắm, vui lắm.

Sau bữa cơm thân tình, đại diện nhà trai báo cáo với thân tộc nhà gái về dự kiến hôn lễ, về ngày cưới, đại lễ ngày cưới, thời khắc đón dâu,

đưa dâu, trao số tiền dẫn cưới, và xin ý kiến bổ khuyết của nhà gái. Nếu đã thoả thuận, cả 2 bên đều phải thực hiện đúng như cam kết.

Tiền dẫn cưới của nhà trai, tiếng Tày gọi là *giền thua*. Đó là số tiền nhà trai đưa cho nhà gái để mua sắm những thứ đồ dùng cần thiết nhất cho đôi trai gái để có thể bắt đầu cuộc sống mới, như: chăn, gối, màn, chiếu, quần áo mới cho thông gia....

Sau lễ dạm hỏi, nhà gái trả lại gánh cho nhà trai, gọi là *hoàn phúc*, gồm: 2 ống thóc nếp, 2 ống thóc tẻ, 2 ống ngô nếp, 2 ống ngô tẻ... Đó là cách thể hiện sự chấp nhận cho con gái xuất giá lấy chồng và đi làm ăn riêng. Số hạt giống này được người Tày gọi là *vè vắn* (nghĩa là “giống má làm vốn”). Ngoài ra, nhà gái còn trao thêm vào gánh *hoàn phúc* 2 chai rượu ngon, nửa miếng thịt lợn mà nhà trai đưa sang (ý nói: nhà trai mang lễ sang đầy đủ, nay dư được trả về; hoặc có miếng ngon không bao giờ ăn một mình).

## 3. Chuẩn bị lễ cưới

Thực ra công việc chuẩn bị cho đám cưới đã được các gia đình người Tày chuẩn bị từ khá sớm. Tục truyền: “Trai lớn lấy vợ, gái lớn gả chồng”, do vậy, trong các gia đình có con trai đến tuổi cập kê, ai cũng nuôi một đôi lợn béo, đến ngày cưới thì mổ 1 con còn 1 con dẫn sang nhà gái trước lễ cưới từ 10 đến 11 ngày.

Trước lễ cưới, nhà trai tiến hành sửa sang nhà cửa, chuẩn bị giường cho cô dâu mới, thường là loại giường bằng gỗ nghiêng vì đây là loại gỗ tốt, dùng cả đời người không hỏng.

Nhà gái phải chuẩn bị: 2 đôi chân bông, 2 đôi màn, 1 đôi chiếu rộng có in chữ hỷ (hoặc chữ hạnh phúc), 1 đôi cốt hoa, 1 đôi gối hoa, rèm cửa, ấm, gương, lược và quần áo tư trang cho cô dâu. Đặc biệt, nhất thiết phải có 1 cái hòm (*guý*) đựng tư trang.

## 4. Ngày cưới

Người Tày gọi lễ cưới là *kin lẩu*, tức là *uống rượu*. Lễ cưới diễn ra trong 3 ngày: ngày thứ nhất - chuẩn bị; ngày thứ 2 - đón dâu; ngày thứ 3 - con rể về tạ ơn cha mẹ vợ (tục lại mặt).

Người Tày ở Trùng Khánh thường cưới vào các ngày lành của các tháng 11, 12 và tháng giêng (âm lịch). Khi mời khách dự đám cưới, người Tày phải mời trước tối thiểu là 9 ngày để tỏ sự trân trọng; mặt khác, cũng nhằm để giúp người được mời có đủ thời gian thu xếp việc nhà, chuẩn bị tiền, gạo hay rượu mừng (rượu tự ủ lấy mất 7 ngày). Đối với người thân thích nội, ngoại, bạn *tóng*, hàng xóm, gia chủ phải đến tận nhà để mời, không được gửi thiệp; chỉ có bạn bè ở xa mới gửi thiệp mời.

Trong các bản/làng, đều có *phường họ bạn* là một tổ chức quần chúng tự nguyện, của những anh, những chị, nam, nữ trong xóm để giúp đỡ nhau trong việc cưới. Đối với *phường họ bạn* cũng phải mời trước 9 ngày để phường còn tổ chức góp gạo, củi, rượu giúp đỡ gia đình. Đến ngày cưới, phường cử người đến coi nói diện tích nhà cửa, làm lều rạp, mượn bàn ghế, ấm, chén, bát đĩa..., giúp mổ lợn, mổ gà, chế biến thức ăn, giúp phục vụ việc tiếp khách.... *Phường họ bạn* phục vụ tận tình, chu đáo từ khâu chuẩn bị trước ngày cưới cho đến khi kết thúc hôn lễ. Sau đám cưới họ còn dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, sạch sẽ rồi mới ra về.

Ngày cưới phải tổ chức đông vui, ăn uống linh đình. Bữa cỗ ngày cưới phải có gạo ngon để nấu cơm đãi khách, mổ lợn, mổ gà (mổ bò)... chế biến thức ăn; nấu cơm dư, thịt dư, rượu dư... để ăn uống thoải mái.

Trong bữa cỗ, khách mời được bố trí ngồi theo trật tự: người lớn tuổi ngồi cùng mâm với nhau, người trẻ, nam thanh, nữ tú ngồi cùng nhau.

Khi đến ăn cỗ cưới, bà con thân thích đều mừng tiền, gạo, rượu; bạn bè thì mừng tiền hoặc quà tặng. Quà tặng thường là gương, phích, bộ ấm chén...

Khi tiếp nhận đồ mừng cưới, chủ nhà cử người ghi chép tên từng người, địa chỉ, số tiền hoặc quà tặng. Họ ghi lại để nhớ và có dịp thì đến đáp. Đối với đồng bào, tiền mừng nhiều hay ít không quan trọng mà chủ yếu là ở tình cảm của mọi người.

## 5. Đi đón dâu

Lễ đón dâu, đưa dâu của người Tày ở Trùng Khánh rất trang trọng; người con gái nào cũng nhớ việc này như in suốt đời.

Đoàn nhà trai đến đón dâu vào buổi lễ chính của nhà gái, khi khách đến dự đông nhất. Đoàn đón dâu mang đến nhà gái một gánh *đại lễ* gồm có: 1 mâm xôi đầy áp thơm ngon (hoặc có nơi là chiếc bánh dầy to bằng cái mâm thau, gọi là bánh mẹ (*péng mẹ*) và chừng 100 hay 150 cái bánh dầy nhỏ); 1 con gà thiến to, luộc chín, bày trên mâm xôi; 2 (hoặc 4) cân thịt tươi, nguyên miếng; 2 cặp bánh chưng to (1 cặp nhân thịt + đỗ, 1 cặp nhân đường + đỗ); 2 chai rượu trắng và bánh kẹo, thuốc lá (1 tút). Nếu cô dâu có em, đoàn phải tặng thêm 12.000 đ tiền bút mực. Ngoài ra, đoàn đón dâu còn phải trình họ hàng nhà gái và đặt lên bàn thờ 36.000đ, 1 bó hương to (có 12 bó nhỏ). Đặc biệt, chú rể phải có 1 tấm vải “bên ướt, bên khô” để tặng mẹ vợ. Tấm vải “bên ướt, bên khô” này, một nửa nhuộm màu hồng, một nửa để khô là lễ vật tạ ơn bà mẹ đã sinh ra và chăm sóc cô con gái trưởng thành để đến hôm nay chú rể được đón về làm vợ. Đó là tục con rể tạ ơn mẹ vợ.

Đoàn đón dâu có 6 người: *quan làng, pá mế* (tức là ông đón, bà đón là những vị cao niên đức độ trong làng, có con cái đủ bề, nói năng lưu loát, am tường phong tục, tập quán và không có đại tang), chú rể, 2 phù rể (là 2 trai thanh tân, khôi ngô), 1 cô đón dâu (là gái thanh tân, nét na). Tất cả đều mặc quần áo mới, đội mũ mới, đi giầy, tất mới (không thuê, không mượn). Trước khi đi đón dâu, chú rể phải đốt hương thắp lên bàn thờ, báo cáo với tổ tiên về việc đi đón dâu.

Đoàn đi đón dâu có thể đi bộ, xe đạp, xe máy..., mang theo vải nilon, dây thừng, đòn gánh (sạch) để gói, gánh các tư trang của cô dâu về nhà chồng. Trên đường đi đón dâu, đoàn nhất nhất phải tuân theo sự chỉ dẫn của ông đón, bà đón.

Bên nhà gái cử một số chị em, trưởng đoàn là một bà tuổi quá niên, nói năng lưu loát, vui vẻ lịch thiệp, mang theo *bộ ấm tích đầy rượu, khay, chén mới*, ra tận ngoài ngõ để đón nhà trai. Khi

gặp nhau, cả hai đoàn ai nấy đều hoan hỉ và đọc những bài thơ với lời thơ giản dị, ấm áp, để đối đáp với nhau, làm tăng không khí vui nhộn, tình cảm cho buổi đón dâu.

Đoàn nhà gái rót từng chén rượu đầy tràn, dâng lên mời *quan làng*, *pả mẹ* nhà trai, chàng rể và mọi người, tạo ra khung cảnh kẻ đưa qua, người đẩy lại, chén qua, chén lại thật là nhộn nhịp. Sau đó, nhà gái mời và dẫn đoàn nhà trai vào nhà. Khi vào đến nhà, cô, dì, chú, bác... họ nhà gái đều ra đón chào tận ngoài cửa, tay bắt, mặt mừng, các cô phù dâu nhận nón của các cô đón dâu và *pả mẹ* cất vào buồng.

### 6. Con rể lạy tổ tiên

Khi vào trong nhà gái, đoàn nhà trai trân trọng đặt mâm lễ lên bàn thờ tổ tiên nhà gái. *Quan làng* và *pả mẹ* hướng dẫn mọi người giúp làm một số việc quanh bàn thờ.

Trước bàn thờ, những lời thơ, lời hát lại cất lên, thật uy nghi trang trọng, con rể đứng giữa, 2 phù rể đứng 2 bên, cô dâu đứng cạnh.



Trong ngày cưới, cô dâu chú rể mặc quần áo cổ truyền của dân tộc Tày. Cô dâu mặc bộ quần áo do nhà trai sắm cho hoặc lấy tiền *giền thua* sắm lấy. Cả cô dâu, chú rể đều mặc quần vải chàm, áo dài 5 thân, quần lá toạ; chú rể quần (hoặc chít) khắn kiểu chữ nhân. Áo cô dâu dài tới bắp chân, ống tay hẹp, xẻ nách phải, cài 5 khuy. Bên trong áo dài, cô dâu và chú rể đều mặc áo cánh màu trắng.

Nghi lễ khấn vái tổ tiên để xin dâu diễn ra trang nghiêm. Bà đưa (nhà gái) châm hương và chuyển tay cho cô dâu, sang tay cho chú rể, chú rể nhận bó hương cẩn thận cắm lên bát hương trên bàn thờ tổ tiên nhà vợ rồi lùi lại vài bước vái hàm ý: từ nay đã là con cháu trong nhà. Các bậc cha, mẹ, cô, dì đứng quanh bàn thờ ai cũng thể hiện sự vui mừng, hài lòng. Sau hồi đối đáp bằng thơ và những lời lẽ xúc tích của các *quan làng*, *pả mẹ*... chàng rể dâng khăn “bên ướt, bên khô” tặng mẹ vợ. Bà mẹ vợ được nhận khăn “bên ướt bên khô” cảm động rung rung nước mắt.

### 7. Con rể dâng rượu mời khách

Hai cô phù dâu trao tận tay hai phù rể khay mới, bộ chén mới và tích rượu ngon. Con dâu rót truyền tay con rể, con rể dâng rượu lên mời ông, bà, cha, mẹ, cô, dì... rồi đến từng mâm khách, cảm ơn mọi người đã đến mừng cưới. Quý khách nhận rượu và nói lời chúc tốt đẹp.

### 8. Bữa cơm đoàn kết, hoan hỷ giữa đoàn nhà trai và nhà gái

Khách đến mừng cưới đã vãn, đoàn nhà trai được mời dự bữa cơm thân mật, ấm cúng, kéo dài mãi đến xế chiều.

### 9. Mời con dâu ra cửa về nhà chồng

*Quan làng* dùng những lời mộc mạc, chân thành bằng thơ xin viện lễ vì đường xá xa xôi, vì nhà trai đang đợi con dâu..., nhà gái cho phép cô dâu ra cửa về nhà chồng.

Trong lời đáp, nhà gái cũng dùng những lời thơ đầy ý vị: cảm ơn *quan làng*, cảm ơn nhà trai, xin cho con tôi về cùng *quan làng* nhà trai...

Cùng lúc đó, các cô, dì... khăn trương thu

xếp quần áo, tư trang vào gánh, hòm. Đặc biệt, trong lúc mọi người đang gói ghém tư trang cho cô dâu về nhà chồng, ai đó nhanh tay bỏ 4 bát rượu lên mặt hòm, người nhà trai đưa ra những lời thưa, lời đáp, cứ thế đưa đẩy qua lại, 4 bát rượu lần lượt được uống hết.

#### 10. Nàng dâu ra cửa về nhà chồng

Cô dâu cắm bó hương lên bàn thờ, lạy ơn tổ tiên, ơn cha mẹ, khóc đàn dụa. Khi phù dâu đưa cô dâu ra cửa, mẹ cô dâu đội nón cho con gái, thay cho con giày mới và hai mẹ con ôm nhau khóc bịn rịn, làm cho cả hai họ cùng động lòng. Cô dâu ra cửa phải cúi đầu và không được quay nhìn trở lại. Mẹ, cô, dì... đưa cô dâu ra tận ngõ, bịn rịn từng bước chân. Đoàn nhà trai đi trước, vừa đi vừa đợi đoàn nhà gái. Đoàn đưa dâu của nhà gái cũng gồm 6 người: *quan làng*, *pả mẹ*, cô dâu và phù dâu (2).

#### 11. Đón con dâu vào nhà

Theo tập tục, người ta đón con dâu vào nhà vào đúng “giờ con gà lên chuồng”, là “giờ quy tụ mọi sinh linh”. Tư trang của cô dâu mang theo về được đặt ở dưới bàn thờ tổ tiên nhà chồng.

Cô đón dâu cùng *pả mẹ* dẫn cô dâu và phù dâu vào buồng. Tại đây, cô dâu phải “đốt lên ngọn lửa của cuộc đời mới” bằng cách thắp 1 ngọn đèn dầu đã được chuẩn bị từ trước. Chú rể đứng trước bàn thờ. Sau khi thắp đèn cô dâu cũng nhanh chóng bước ra trước bàn thờ, cùng chú rể thắp hương và nghe mọi người chúc.

Tiệc vui ở nhà trai thường diễn ra thâu đêm, suốt sáng.

Người Tày ở Trùng Khánh không có tục “đêm tân hôn”. Đêm hôm cưới, cô dâu phải ngủ cùng với phù dâu và *pả mẹ*.

Sáng hôm sau, cô dâu phải dậy thật sớm đi gánh nước về, đem nước nóng cho cha, mẹ chồng, *quan làng*, *pả mẹ* rửa mặt. Kế đó, *phường họ bạn* đã chuẩn bị sẵn những mâm cơm thịnh soạn, mời mọi người có mặt dự tiệc. Khi tiệc rượu vừa tan thì gà cũng vừa gáy sáng và đoàn nhà gái xin phép ra về, thật là nhớ nhung, thật là bịn rịn.

#### 12. Lễ lại mặt

Buổi sáng ngày thứ 3 của lễ cưới, con rể cùng bạn trai, chị em gái hoặc con chú con bác mang một *tiểu lễ* sang nhà mẹ vợ để tạ ơn. Lễ gồm có: 2 cặp bánh chưng to, 2 chai rượu ngon, 2 cân thịt lợn đã luộc sơ, 1 ít bánh kẹo. Khi đến nhà bố mẹ vợ, cô dâu mới tự tay bày đồ lễ lên bàn thờ nhà mình, tự thắp hương. Sau đó, 2 vợ chồng hỏi thăm sức khoẻ của cha, mẹ, cảm ơn cha, mẹ nuôi con lớn khôn nay đã có đôi có lứa. Cha mẹ cô dâu rất vui vẻ, phấn khởi và chuẩn bị cơm rượu để tiếp con rể. Cha, chú trong họ cùng ngồi mâm con rể; mẹ, dì ngồi cùng mâm với con gái và bạn gái phía nhà trai sang. Bữa cơm kéo dài đến xế chiều. Khi nhà trai xin phép về, nhà gái lại *hoàn phúc* một nửa gánh lễ mà nhà trai vừa mang sang. Từ đó, đôi vợ chồng mới cưới còn thường xuyên quay trở lại thăm nhà mẹ vợ; chỉ đến khi sinh con đầu lòng mới ở hẳn nhà trai.

Xung hô vợ chồng của dân tộc Tày thật đặc biệt: vợ chồng gọi nhau là *câu* (tao) - *mẫu* (mày). Đối với người Tày, xung hô *câu - mẫu* là tôn trọng nhau, thân mật với nhau như kiểu xung hô *chài-noọng* (anh - em). Nhưng cũng có nơi người ta không xung hô *câu-mẫu* mà nói chuyện với nhau một cách trống không: người chồng là *phua*, người vợ là *miế*. Đến khi có con đầu lòng thì cách xung hô vợ chồng lại khác: vợ chồng gọi nhau bằng cách gọi “bố...”, “mẹ...” ghép với tên con đằng sau hoặc vợ gọi chồng là “*pợ*...” kèm tên con, chồng gọi vợ là “*mế*...” kèm tên con.

\* \*  
\*

Hiện nay, một số nghi lễ, phong tục, tập quán trong hôn nhân của người Tày mang đậm sắc thái văn hoá tộc người vẫn được lưu truyền, nhưng cũng có những mỹ tục đã và đang mai một dần. Nhiều nghi lễ truyền thống rất có ý nghĩa đã và đang bị mất đi; các bàn thờ, các bài hát *quan làng* đã dần không còn được sử dụng. Vì vậy, việc tìm hiểu phong tục cùng với các nét văn hoá đẹp ở từng dân tộc để đề ra biện pháp duy trì, phát huy trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá là hết sức cần thiết.